huǒ là là

火辣辣

Adjective · Spicy / Hot

Example Sentences

tài yáng huǒ là là de
太 阳 火 辣辣的。

The sun is blazing hot.

là jiāo ràng wǒ de zuǐ ba gǎn jué huǒ là là de
辣椒 让 我的嘴巴感 觉 火 辣辣的。

The chili makes my mouth feel burning hot.

nǐ shì fǒu céng yīn gān gà de chǎng miàn ér gǎn dào liǎn shàng huǒ là là de
你是否 曾 因 尴尬的 场 面 而感 到 脸 上 火 辣辣的?

Have you ever felt your face burning hot due to an embarrassing situation?

Trace each character, then write the word on your own.